

✓ KINH NGHIỆM CỦA INDONESIA VÀ THÁI LAN TRONG VIỆC ĐẢM BẢO AN NINH CON NGƯỜI⁽¹⁾

VÕ XUÂN VINH*

ĐẶNG XUÂN THANH**

An ninh con người là thuật ngữ xuất hiện chính thức lần đầu tiên trong Báo cáo phát triển con người năm 1994 của Chương trình phát triển LHQ (UNDP)⁽²⁾. Nghị quyết 60/1 của Đại Hội đồng LHQ lần thứ 60 ngày 24/10/2005 nhấn mạnh quyền của mỗi cá nhân “được sống trong tự do và nhân phẩm...; thoát khỏi sự sợ hãi và thiếu thốn, với cơ hội bình đẳng để tận hưởng tất cả các quyền của họ và phát triển toàn diện tiềm năng con người của mình”⁽³⁾. Báo cáo phát triển con người năm 1994 cũng đưa ra 7 thành tố an ninh con người, bao gồm: (1) an ninh kinh tế; (2) an ninh lương thực; (3) an ninh sức khỏe; (4) an ninh môi trường; (5) an ninh cá nhân; (6) an ninh cộng đồng; và (7) an ninh chính trị⁽⁴⁾.

Indonesia và Thái Lan là những quốc gia Đông Nam Á đi đầu trong việc áp dụng khái niệm an ninh con người trong thực tiễn ứng phó với các thách thức đối với cuộc sống, tài sản và nhân phẩm của người dân. Bài viết này sẽ tập trung làm rõ một số kinh nghiệm của Indonesia trong việc ứng phó với các thảm họa thiên

nhiên và của Thái Lan trong việc xử lý vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo trong hơn một thập kỷ qua.

1. Kinh nghiệm xử lý thảm họa thiên nhiên ở Indonesia

Sự tàn phá ghê gớm của thảm họa sóng thần năm 2004 đã thúc đẩy chính phủ Indonesia nhận thức được sự cần thiết phải có một khuôn khổ pháp lý toàn diện và hoàn thiện hơn cho việc quản lý thảm họa. Sau quá trình tham vấn và soạn thảo Luật Quản lý thảm họa của Indonesia được thông qua vào năm 2007, sử dụng cách tiếp cận đa hiểm họa, định nghĩa “thảm họa là một sự cố hay một loạt các sự cố đe dọa hay phá hủy cuộc sống và môi trường sống gây ra do thiên nhiên và/hoặc phi thiên nhiên và các nhân tố con người gây mất mát, tổn hại cho môi trường, tài sản và tâm lý”, chuyển trọng tâm quản lý thảm họa từ ứng phó sang giảm thiểu rủi ro.

Sau khi luật mới được thông qua, hàng loạt các hướng dẫn được ban hành như Quy chế Chính phủ số 21/2008 về các hoạt động quản lý thảm họa, Quy chế Chính phủ số

* TS. Võ Xuân Vinh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

** TS. Đặng Xuân Thanh

22/2008 về việc tài trợ và quản lý việc cứu trợ thảm họa, Quy chế Chính phủ số 23/2008 về việc tham gia của các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ nước ngoài về quản lý thảm họa. Khuôn khổ mới quản lý tình trạng khủng hoảng do thảm họa là sự thay đổi triệt để so với các quy định về quản lý thảm họa trước đó.

Luật Quản lý thảm họa phân biệt các loại thảm họa: thiên tai - bao gồm động đất, sóng thần..., thảm họa phi thiên nhiên bao gồm các sự cố công nghệ hay dịch bệnh lớn; thảm họa xã hội - bao gồm các loại xung đột xã hội⁽⁵⁾. Chính phủ và chính quyền các địa phương chịu trách nhiệm quản lý thảm họa, đưa quản lý rủi ro thảm họa vào quy hoạch phát triển, dự toán ngân sách cho công tác quản lý thảm họa, ban hành các chính sách, kế hoạch phòng chống thảm họa, tuyên bố cấp độ và tình trạng thảm họa cấp quốc gia và địa phương. Căn cứ theo luật trên, chính phủ thành lập Cục Quản lý thảm họa quốc gia (NDMA) tương đương cấp bộ, chịu trách nhiệm phối hợp việc thực hiện các hoạt động quản lý thảm họa trên phạm vi cả nước; phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước, cũng như các nguồn tài trợ; báo cáo hàng tháng cho Tổng thống và báo cáo khẩn cấp trong trường hợp xảy ra thảm họa. Cục bao gồm Ban chỉ đạo và Cơ quan thực thi. Ban chỉ đạo có chức năng xây dựng chính sách, chỉ đạo và đánh giá công tác tổ chức quản lý thảm họa của quốc gia. Ban chỉ đạo bao gồm “các nhân viên chính phủ có liên quan và các thành viên cộng đồng có chuyên môn” hoạt động dưới sự giám sát của Hạ viện. Chính quyền địa phương cấp tỉnh, thành phố thành lập các cơ quan quản lý thảm họa ở địa phương mình (RDMAs). Ngoài việc có cùng chức năng như NDMA ở cấp địa

phương, RDMAs còn chịu trách nhiệm ban hành bản đồ các khu vực dễ xảy ra thảm họa và các quy trình chuẩn (SOPs) trong quản lý thảm họa, báo cáo cho lãnh đạo địa phương và chịu trách nhiệm việc sử dụng ngân sách được phân bổ. Việc tái cơ cấu trên đã tăng thêm đáng kể thẩm quyền cho cơ quan quản lý thảm họa để có thể điều phối thành công hoạt động ứng phó đối với bất kỳ thảm họa nào, mà trước đó Cục Điều phối quản lý thảm họa quốc gia đã không có.

Quá trình quản lý thảm họa được chia thành ba giai đoạn: tiền thảm họa, ứng phó khẩn cấp và hậu thảm họa. Giai đoạn tiền thảm họa được xác định từ lúc mới chỉ có đe dọa tiềm tàng, nhưng chưa xảy ra thảm họa. Hoạt động quản lý thảm họa trong giai đoạn này bao gồm công tác xây dựng kế hoạch phòng bị, giảm thiểu rủi ro, đào tạo và tuyên truyền. Trọng tâm của giai đoạn này là khâu xây dựng kế hoạch quản lý thảm họa, bao gồm: i) xác định và đánh giá các hiểm họa; ii) nắm bắt mức độ dễ bị tổn thương của cộng đồng; iii) dự báo tác động; iv) hoạt động giảm thiểu nguy cơ thảm họa; v) sự sẵn sàng ứng cứu và các cơ chế giảm thiểu tác hại của thảm họa; vi) phân công trách nhiệm, quyền hạn và các nguồn lực quản lý thảm họa.

Giai đoạn ứng phó với tình trạng khẩn cấp, quản lý thảm họa được tổ chức theo các ưu tiên và nguyên tắc sau đây: i) đánh giá nhanh và đúng địa điểm, thiệt hại và nguồn lực; ii) xác định tình trạng ứng phó khẩn cấp; iii) ứng cứu và di tản những cộng đồng dân cư bị tác động; iv) đáp ứng những nhu cầu cơ bản; v) bảo vệ những nhóm dễ bị tổn thương; vi) khôi phục kịp thời cơ sở hạ tầng và trang thiết bị thiết yếu. Trong

trường hợp tình trạng khẩn cấp của thảm họa được xác định, NDMA và RDMA's chịu trách nhiệm tạo điều kiện cho việc tiếp cận và cung cấp các trang thiết bị cần thiết cho các bên tham gia cứu trợ.

Giai đoạn hậu thảm họa bao gồm công tác khôi phục và tái thiết, bao gồm việc khôi phục kết cấu hạ tầng công cộng, cung cấp các dịch vụ y tế và phục hồi chức năng của chính quyền. Tái thiết bao gồm các hoạt động lâu dài như áp dụng thiết kế và xây dựng tốt hơn đối với cơ sở hạ tầng và phục hồi đời sống kinh tế-xã hội của cộng đồng.

Tất cả các cộng đồng và cá nhân liên quan đến thảm họa đều có quyền được bảo vệ và quyền tham gia vào các hoạt động quản lý thảm họa. Người chịu tác động của thảm họa có quyền được cứu trợ cũng như được bồi thường trong trường hợp chịu thiệt hại do lỗi của chính quyền. Ngược lại, mỗi cá nhân cũng có nghĩa vụ thực hiện các hoạt động quản lý thảm họa, cung cấp cho các cơ quan chức năng các thông tin liên quan đến thảm họa. Các doanh nghiệp có thể tham gia quản lý thảm họa thông qua các hợp đồng cung cấp các dịch vụ cứu trợ. Các tổ chức quốc tế và phi chính phủ quốc tế có thể tham gia vào các hoạt động quản lý thảm họa độc lập hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng phía Indonesia.

Bên cạnh việc xây dựng khuôn khổ thể chế mới cho phép quản lý hiệu quả hơn các thảm họa, để thích ứng với những tác động của biến đổi khí hậu, chính phủ Indonesia đã đưa ra nhiều mô hình chuyển đổi ngành nghề để người dân có cơ hội lựa chọn nhằm thích ứng dần với biến đổi khí hậu. Indonesia đã có những nghiên cứu cụ thể về những vùng bị tác động về biến đổi khí

hậu dựa trên 2 nhóm tác động: nhóm tác động bất thường và nhóm tác động lâu dài, nhờ đó Indonesia đã có thông tin cụ thể về tình trạng bị tác động của từng vùng, qua đó nghiên cứu đưa những ngành nghề kinh tế phù hợp, những cây trồng thích hợp, biến những thách thức mà biến đổi khí hậu gây ra thành cơ hội. Chính nhờ thích ứng với biến đổi khí hậu mà xuất khẩu hoa quả của Indonesia đã tăng đáng kể, từ 171,8 ngàn tấn, thu 116 triệu USD năm 2004 lên 323,9 ngàn tấn, thu 235 triệu USD năm 2008. Năm 2010 là 360 ngàn tấn, thu 250 triệu USD. Năm 2012 là 400 tấn và đến nay, Indonesia trở thành một trong số 3 nước xuất khẩu hoa quả nhiệt đới lớn nhất thế giới với khoảng 450 ngàn tấn/năm 2013, thu 370 triệu USD. Indonesia được xem là một nước nông nghiệp ở châu Á có sự thích ứng và tận dụng thành công cơ hội từ biến đổi khí hậu.

Chính phủ Indonesia cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết phải tăng cường hợp tác quốc tế trong giảm nhẹ rủi ro thiên tai, nhất là giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính - nhân tố chính làm gia tăng biến đổi khí hậu. Đồng thời tăng cường năng lực phòng chống và ứng phó của chính quyền cơ sở và cộng đồng tại những khu vực bị thiên tai đe dọa.

Bên cạnh những cải cách kể trên, Indonesia đang phải đối mặt với một loạt khó khăn trong thực thi Luật Quản lý thảm họa. Puji Pijiono⁽⁶⁾, thành viên Ban Chiến lược quốc tế về quản lý thảm họa, nhận xét rằng việc thực thi văn bản luật mới phức tạp hơn nhiều so với việc soạn thảo. Thứ nhất, bản thân luật mới chứa đựng nhiều điểm mâu thuẫn, chồng chéo với các luật và

quy định khác, nhất là với các quy định ở cấp độ địa phương. Thứ hai, việc thiếu chỉ tiết và tính cụ thể trong văn bản luật mới nhằm đạt được sự linh hoạt cần thiết trong việc thực thi luật này ở cấp độ địa phương lại tạo ra các lỗ hổng và cách hiểu khác nhau. Thứ ba, bản thân các cơ quan có trách nhiệm quản lý thẩm họa hiện trong tình trạng thiếu năng lực do thiếu chuyên môn và nguồn lực để có thể hoàn thành các trách nhiệm được giao; thiếu ý chí chính trị để đưa các điều khoản của luật mới đi vào hiệu lực; thiếu thẩm quyền do công tác quản lý thẩm họa bị phân tán giữa các cơ quan khác nhau ở cấp trung ương và địa phương; và cuối cùng là thiếu tín nhiệm.

2. Kinh nghiệm xử lý bất ổn sắc tộc, tôn giáo ở Thái Lan

Trong một thập niên gần đây, Thái Lan là một trong số ít quốc gia Đông Nam Á đi đầu trong việc triển khai khái niệm an ninh con người trong thực tiễn. Năm 2007, nước này đã thành lập *Bộ Phát triển xã hội và an ninh con người*, gần hai lĩnh vực này trong một cơ cấu quản lý nhà nước thống nhất. Có thể thấy, Thái Lan đã tiến khá xa trong nghiên cứu và áp dụng lý luận an ninh con người, nhất là trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều mối đe dọa phức tạp đối với con người như xung đột sắc tộc, tôn giáo, bất ổn chính trị, tội phạm có tổ chức, v.v.

Bất ổn ở miền Nam Thái Lan là vấn đề mang tính lịch sử, chủ yếu là từ 4 tỉnh Pattani, Yala, Narathiwat và Songkhla, khu vực được sáp nhập vào Xiêm năm 1909 theo Hiệp ước Anh-Xiêm năm 1909. Khoảng 80% dân số của khu vực này có nguồn gốc Malay, hầu hết sử dụng tiếng

Pattani Malay là ngôn ngữ thứ nhất của mình⁽⁷⁾. Phong trào ly khai ở khu vực miền Nam Thái Lan đã nổi lên từ những năm 60 của thế kỷ XX. Các phong trào này được chế ngự vào thập niên 90 của thế kỷ XX⁽⁸⁾ nhưng lại bùng phát vào đầu thế kỷ XXI khi Đông Nam Á trở thành mặt trận thứ hai trong cuộc chiến chống khủng bố do Mỹ phát động sau sự kiện 11/9 và chính phủ Thái Lan có những điều chỉnh chính sách đối với khu vực miền Nam dưới thời Thủ tướng Thaksin. Sau sự kiện hơn 100 tay súng khủng bố bị lực lượng an ninh Thái Lan tiêu diệt tại thánh đường Kru Se vào tháng 8/2004, tình hình các tỉnh miền Nam Thái Lan trở nên căng thẳng hơn khi có 78 tù nhân Hồi giáo bị chết ngạt trong quá trình di chuyển địa điểm (sự kiện Tak Bai). Chỉ tính trong vòng 5 năm từ tháng 1/2004 đến tháng 3/2009, có tới 8.810 vụ xung đột xảy ra ở khu vực, làm chết 3.418 người và làm bị thương 5.624 người. Có gần 50% nạn nhân (45,8%) bị thiệt mạng là dân thường. Về tôn giáo, có tới 54,7% tổng số người chết là người Hồi giáo⁽⁹⁾. Cho đến nay, vấn đề xung đột chính trị, sắc tộc và tôn giáo vẫn tiếp diễn ở khu vực này.

Đứng trước tình hình bất ổn ở miền Nam, các chính phủ cầm quyền ở Thái Lan đã có những chính sách cụ thể để ổn định tình hình. Từ góc độ an ninh, Thái Lan đã áp dụng cả hai cách tiếp cận: an ninh lấy nhà nước làm trung tâm (state-centric security) và an ninh lấy con người làm trung tâm hay an ninh con người (human security). Chính phủ Thái Lan dưới thời Thủ tướng Thaksin (2001-2006) cho rằng, phương thức để đẩy lùi và khống chế các cuộc nổi loạn ở miền Nam phụ thuộc vào hành động của các lực lượng an ninh, cũng

như các chính sách kinh tế-xã hội⁽¹⁰⁾. Tháng 1/2004, chính phủ Thaksin đặt ba tỉnh Pattani, Yala và Narathiwat trong tình trạng thiết quân luật sau khi diễn ra một số vụ tấn công được tổ chức kỹ càng vào các cơ sở của quân đội, cảnh sát và một số trường công. Sau khi quân đội tiến hành cuộc đảo chính vào năm 2006, chính phủ mới tiếp tục đối mặt với tình hình bất ổn ở miền Nam. Tình trạng khẩn cấp và thiết quân luật, vì thế vẫn được duy trì ở ba tỉnh Pattani, Yala và Narathiwat.

Để củng cố an ninh ở khu vực này, chính phủ Thái Lan đã tổ chức các lực lượng bán quân sự và dân sự. Lực lượng bán quân sự bao gồm 9.000 kiểm lâm bán quân sự và 3.300 thành viên thuộc Lực lượng bảo vệ tình nguyện. Chính phủ Thái cũng xây dựng các nhóm phòng vệ dân sự tự quản, với hai nhóm chính là nhóm Tình nguyện viên phòng vệ làng (Village Defence Volunteers-VDV) với 47.000 người và nhóm Tình nguyện viên bảo vệ làng (Village Protection Volunteers-VPV) với 24.000 người. Các nhóm này được quân đội đào tạo và mỗi làng nhận được ngân sách 20.000 baht (594 USD) mỗi tháng để trả cho các tình nguyện viên. Ngoài ra còn có các nhóm của tư nhân được lập ra để giữ gìn trật tự ở khu vực⁽¹²⁾.

Bên cạnh tăng cường lực lượng an ninh chính quy và xây dựng các lực lượng an ninh bán vũ trang và phòng vệ dân sự mới ở khu vực, chính phủ Thái Lan đã có những chính sách nhằm phát triển kinh tế-xã hội, giúp ổn định tình hình ở khu vực. Tháng 7/2005, chính quyền Thaksin lập ra Ủy ban Hòa giải dân tộc (NRC), nhấn mạnh đến đề xuất của Vua Bhumibol Adulyadej về "*Hiểu biết, tiếp cận và phát*

triển". Nhiệm vụ của NRC là nghiên cứu tình trạng bất ổn ở miền Nam và đưa ra các đề xuất chính sách cho chính phủ Thái Lan. NRC cũng có nguồn quỹ riêng để hỗ trợ 5.000 baht/hộ cho các gia đình có người bị thiệt mạng do bạo lực ở khu vực cho việc mai chôn và chi phí khẩn cấp⁽¹³⁾.

Chính phủ Thái Lan không ngừng tăng ngân sách cho khu vực miền Nam, từ 13,4 tỉ baht (396 triệu USD) vào năm 2004 lên 27,5 tỉ baht (814 triệu USD) vào năm 2009⁽¹⁴⁾. Tháng 4/2009, Thủ tướng Surayud phê chuẩn "*Kế hoạch phát triển đặc biệt cho 5 tỉnh biên giới miền Nam*" với trị giá 63 tỉ baht trong thời gian 4 năm để biến khu vực thành một khu vực phát triển. Kế hoạch này có 6 nội dung chủ yếu: i) nâng cao chất lượng sống và thu nhập cho hộ gia đình hàng năm từ 64.000 baht (tương đương 1.900 USD) lên 120.000 baht (tương đương 3.554 USD); ii) tăng cường các biện pháp an ninh cũng như giải quyết các vấn đề bất công và cải thiện hệ thống pháp lý; iii) cải thiện nguồn nhân lực và dịch vụ xã hội cũng như thúc đẩy hòa hợp dân tộc và cùng tồn tại hòa bình; iv) thúc đẩy kinh tế và đầu tư; v) tăng cường thương mại với các nước thông qua việc thúc đẩy thương mại biên giới và xây dựng cơ sở hạ tầng; vi) cải thiện sự quản lý của chính phủ và điều chỉnh các quy định⁽¹⁵⁾.

Tuy nhiên, chính sách của chính phủ Thái Lan trong việc giải quyết các bất ổn chính trị, tôn giáo và sắc tộc ở miền Nam vẫn chưa thu được các kết quả như mong muốn. Thứ nhất, về kinh tế, mặc dù chính sách được áp dụng cho khu vực là khá nhiều nhưng do các chính phủ trung ương không cầm quyền đủ lâu để thực hiện đến cùng các kế hoạch đề ra, đồng thời việc

quản lý ngân sách lại tập trung chủ yếu trong tay lực lượng an ninh⁽¹⁶⁾ nên kết quả thu được thường không cao. Đó là chưa kể tình trạng tham nhũng tràn lan trong giới quan chức ở khu vực. Điều này dẫn đến việc đời sống của người dân khu vực này vẫn ít được cải thiện và còn gặp rất nhiều khó khăn. Ví dụ, đến năm 2006, vẫn còn khoảng 30% hộ gia đình ở các tỉnh miền Nam sống dưới mức nghèo khổ trong khi tỉ lệ trung bình ở Thái Lan là 9,5%, trong đó 3 tỉnh là Yala, Pattani, và đặc biệt là Narathiwat nằm ở nhóm thấp⁽¹⁷⁾. Thứ hai, việc chú trọng đến an ninh nhà nước hơn là an ninh con người và an ninh cộng đồng của chính phủ đưa đến việc, mặc dù có nhiều lực lượng bảo vệ được lập ra nhưng an ninh của mỗi cá nhân và của cộng đồng không được đảm bảo. Việc có nhiều người theo Phật giáo bị sát hại trong những năm qua có thể nói lên điều này. Thứ ba, quyền đại diện của các nhóm dân cư tại khu vực không được đảm bảo. Năm 2000, không có đại diện phụ nữ nào từ miền Nam trong Quốc hội, trong khi khu vực miền Trung có 4 đại diện. Năm 2005, trong khi khu vực miền Trung có 12 đại biểu quốc hội là nữ giới thì con số này ở miền Nam chỉ là 4 người. Năm 2008, số lượng đại biểu quốc hội là nữ giới ở khu vực miền Nam đã tăng lên 8 người nhưng ba tỉnh miền Nam lại không có đại biểu nào⁽¹⁸⁾. Trong Ủy ban Hòa giải dân tộc (NRC) có sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự, từ cộng đồng Hồi giáo, các học giả... nhưng lại không có các đại diện của Phật giáo, điều này đã gây bất bình trong cộng đồng Phật giáo ở khu vực này. Bên cạnh đó, chính phủ đưa ra những chính sách nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động giảng dạy đạo Hồi⁽¹⁹⁾, gây ra sự bất bình lớn trong cộng đồng Hồi giáo địa

phương.

3. Kết luận

Những bài học nào có thể rút ra từ kinh nghiệm của các quốc gia Đông Nam Á như Indonesia và Thái Lan trong việc ứng phó với các thách thức nghiêm trọng về an ninh con người như thảm họa thiên nhiên và xung đột xã hội?

Bài học đầu tiên là cách tiếp cận về an ninh con người có thể đóng vai trò bổ khuyết cho cách tiếp cận về an ninh lấy nhà nước làm trung tâm trong việc xây dựng khuôn khổ luật pháp và các chính sách ứng phó hiệu quả hơn với các thách thức và thảm họa đối với con người. Sự kết hợp giữa hai cách tiếp cận ứng phó các thảm họa từ trên xuống (top-down) dựa vào chính quyền và từ dưới lên (bottom-up) dựa vào khả năng chống chịu của các cộng đồng và cá nhân không làm nhụt sự chủ động của mỗi bên, mà trái lại tăng cường trách nhiệm công vụ và trách nhiệm dân sự, củng cố sự gắn kết giữa chính quyền, cộng đồng và người dân. Liên kết mạnh mẽ giữa các bên tham gia tạo sức mạnh chính trị cần thiết để ứng phó với các tình huống thảm họa.

Bài học thứ hai là đối với chính phủ, phải xây dựng được khuôn khổ pháp lý và các kế hoạch phù hợp cho phép huy động các nguồn lực, phối hợp nỗ lực của chính quyền, cả trung ương và địa phương, các cộng đồng dân cư và các tổ chức quốc tế để ứng phó với các tình trạng khẩn cấp. Bên cạnh công tác chuẩn bị sẵn sàng quản lý thảm họa, các quốc gia cần xây dựng chính sách dài hạn nhằm thích ứng với điều kiện nguy cơ thảm họa cao để giảm thiểu nguy cơ thiệt mạng, bảo toàn sinh kế.

Ba là, đối với người dân và các cộng đồng địa phương, cần chú trọng đầu tư nâng cao năng lực chống chịu và trao quyền để họ có thể chủ động tham gia ứng phó thảm họa, phát huy được các tri thức, tiềm năng sẵn có, huy động các nguồn lực tại chỗ, giảm thiểu sự ỷ lại, trông chờ vào sự cứu trợ từ chính quyền. Người dân cần được cung cấp những hiểu biết về những khu vực có nguy cơ thiên tai hay xung đột cao, những đe dọa cụ thể mà họ có thể gặp phải, đồng thời cần được tập huấn các kỹ năng cụ thể để ứng xử trong điều kiện xảy ra thảm họa. Sự chuẩn bị kỹ càng sẽ giúp nâng cao khả năng chống chịu, đồng thời giảm thiểu thiệt hại, thương vong một khi thảm họa xảy ra./.

CHÚ THÍCH

1. Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài Khoa học cấp Nhà nước KX.03.14/11-15 "Đảm bảo an ninh con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế" do TS. Đặng Xuân Thanh làm chủ nhiệm.
2. Cuộc họp lần thứ 66 của Đại hội đồng LHQ ghi nhận, "An ninh con người dựa trên quyền của mỗi quốc gia. Do điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa cho khác nhau ở từng nước và giữa các nước với nhau, và ở từng thời điểm khác nhau, an ninh con người thúc đẩy các giải pháp quốc gia phù hợp với thực tế địa phương. Xem UN General Assembly, 66th Session, Follow-up to paragraph 143 on human security of the 2005 World Summit Outcome (A/RES/66/290), 25 October 2012, http://www.un.org/en/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/66/290.
3. UN General Assembly, 60th Session, Resolution adopted by the General

Assembly 60/1. 2005 World Summit Outcome (A/RES/60/1), 24 October 2005, <http://www.ifrc.org/docs/ldr/I520EN.pdf>

4. UNDP (1994). Human Development Report 1994, pp.24-25.
5. UNDP và BNPB. Lessons Learned: Disaster Management Legal Reform, The Indonesian Experience, 9.
6. Puji Pujiono (2011). Sdd.
7. Duncan McCargo, Thailand's National Reconciliation Commission: a flawed response to the Southern Conflict, *Global Change, Peace & Security*, Vol. 22, No. 1, February 2010. p.75.
8. Edgardo Pedro Legaspi (2009). Case Studies of Ethnic Minority Conflicts in Southern Philippines and Southern Thailand. Paper prepared for the 6th Asia-Europe Roundtable, Derry and Letterkenny, 10-12 June, tr.4.
9. Edgardo Pedro Legaspi (2009). Case Studies of Ethnic Minority Conflicts in Southern Philippines and Southern Thailand, Paper prepared for the 6th Asia-Europe Roundtable, Derry and Letterkenny, 10-12 June, tr.4.
10. Anthony L.Smith (2004), Trouble in Thailand's Muslim South: Separatism, not Global Terrorism, Asia-Pacific Center for Security Studies, Volume 3 - Number 10, December, p.1.
11. International Crisis Group (2009), Southern Thailand: Moving Towards Political Solutions? Asia Report N°181 - 8 December, p.6.
12. Duncan McCargo, Thailand's National Reconciliation Commission: a flawed response to the Southern Conflict, *Global Change, Peace & Security*, Vol. 22, No. 1, February 2010. p.77.
13. International Crisis Group (2009), Southern Thailand: Moving Towards Political Solutions? Asia Report N°181 - 8 December, pp.6-7.
14. International Crisis Group (2009), Southern Thailand: Moving Towards Political Solutions? Asia Report N°181 - 8

December, p.9.

15. Đơn cử, trong số 27,5 tỉ baht tiền ngân sách dành cho khu vực miền Nam từ năm 2009 thì phần dành cho an vị chỉ huy hoạt động an ninh nội địa (ISOC) đã chiếm tới 7,5 tỉ baht, trong khi phần dành cho Trung tâm hành chính các tỉnh biên giới miền Nam (SBPAC) chỉ có 1,75 tỉ baht (Xem International Crisis Group (2009), Southern Thailand: Moving Towards Political Solutions? Asia Report N°181 - 8 December, pp.6-7).
16. Government of Thailand and UNDP (2010). Southern Thailand Empowerment and Participation (STEP) Project 2010-2012, p.4.
17. Government of Thailand and UNDP (2010). Southern Thailand Empowerment and Participation (STEP) Project 2010-2012, p. 6.
18. Anthony L.Smith (2004), Trouble in Thailand's Muslim South: Separatism, not Global Terrorism. Asia-Pacific Center for Security Studies, Volume 3 - Number 10, December, pp. 2-3.
- Management Law: Challenges for Implementation.
6. Disaster Risk Management Programs for Priority Countries: Eas Asia and Pacific, 26.
7. Lessons Learned Disaster Management Legal Reform, 10.
8. UN General Assembly, 60th Session, Resolution adopted by the General Assembly 60/1. 2005 World Summit Outcome (A/RES/60/1), 24 October 2005, <http://www.ifrc.org/docs/idrl/I520EN.pdf>
9. Steven Graham. Book Review Human Security in the Asia Pacific Region: Security Challenges, Regional Integration, and Representative Case Studies (Otto F. von Feigenblatt (2010), Journal of Asia Pacific Studies, Vol 1, No 3.
10. Kasira Cheeppensook (2007). The ASEAN Way on Human Security, paper presented at International Development Studies Conference on Mainstreaming Human Security: The Asian Contribution, Bangkok, October 4-5, 2007.
11. Duncan McCargo (2010). Thailand's National Reconciliation Commission: a flawed response to the Southern Conflict, Global Change, Peace & Security, Vol. 22, No. 1, February 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UN General Assembly, 66th Session, Follow-up to paragraph 143 on human security of the 2005 World Summit Outcome (A/RES/66/290), 25 October 2012, http://www.un.org/en/ga/search/view_doc.asp?symbol=A/RES/66/290.
2. UN General Assembly, 60th Session, Resolution adopted by the General Assembly 60/1. 2005 World Summit Outcome (A/RES/60/1), 24 October 2005, <http://www.ifrc.org/docs/idrl/I520EN.pdf>.
3. UNDP (1994), Human Development Report 1994.
4. UNDP và BNPB, Lessons Learned: Disaster Management Legal Reform, The Indonesian Experience.
5. Puji Pujiono (2011), Indonesia Disaster
- Edgardo Pedro Legaspi (2009). Case Studies of Ethnic Minority Conflicts in Southern Philippines and Southern Thailand, Paper prepared for the 6th Asia-Europe Roundtable, Derry and Letterkenney, 10-12 June.
13. Anthony L. Smith (2004). Trouble in Thailand's Muslim South: Separatism, not Global Terrorism, Asia-Pacific Center for Security Studies, Volume 3 - Number 10, December.
14. International Crisis Group (2009). Southern Thailand: Moving Towards Political Solutions? Asia Report N°181 - 8 December.
15. Government of Thailand and UNDP (2010). Southern Thailand Empowerment and Participation (STEP) Project 2010-2012.